

Số: 02/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023,
tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ- CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023,
tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 28 tháng 02
năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023, tỉnh Tuyên Quang,
với các nội dung như sau:**

1. Tổng số vốn ngân sách địa phương năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện
và giải ngân sang năm 2023 của 112 công trình là 154.253,31 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)

1.1. Ngân sách cấp tỉnh (41 công trình): 113.671,17 triệu đồng, gồm:

- Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 15.579,37 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.377,5 triệu đồng.
- Vốn thu từ xổ số kiến thiết: 502,0 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương: 8.547,78 triệu đồng.

- Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư: 84.664,53 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 02 đính kèm)

1.2. Ngân sách cấp huyện (71 công trình): 40.582,14 triệu đồng, gồm:

- Huyện Hàm Yên (03 công trình): 1.980,0 triệu đồng.
- Huyện Lâm Bình (10 công trình): 2.348,63 triệu đồng.
- Huyện Yên Sơn (07 công trình): 2.294,96 triệu đồng.
- Huyện Na Hang (01 công trình): 10.508,35 triệu đồng.
- Huyện Chiêm Hóa (19 công trình): 10.983,69 triệu đồng.
- Huyện Sơn Dương (07 công trình): 1.656,37 triệu đồng.
- Thành phố Tuyên Quang (24 công trình): 10.810,14 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 03 đính kèm)

2. Mức vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân trong năm 2023 không được vượt số vốn thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022 còn lại chưa giải ngân của từng công trình tại Kho bạc Nhà nước và số vốn được thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (A).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2022	Giải ngân vốn NSDP năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Số vốn kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (A+B)	441.675,80	287.422,49	154.253,31	154.253,31	
A	VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	314.544,99	200.873,82	113.671,17	113.671,17	Chi tiết theo biểu số 02
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	79.270,79	63.691,43	15.579,37	15.579,37	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	20.000	15.622,50	4.377,50	4.377,50	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	2.000	1.498,00	502	502	
4	Bộ chi ngân sách địa phương	20.679	12.131,42	8.547,78	8.547,78	
5	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	192.595	107.930,47	84.664,53	84.664,53	
B	VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	127.130,81	86.548,67	40.582,14	40.582,14	Chi tiết theo biểu số 03
1	Huyện Hàm Yên	2.100,00	120,00	1.980,00	1.980,00	
	Ngân sách cấp huyện	2.100,00	120,00	1.980,00	1.980,00	
2	Huyện Lâm Bình	13.585,28	11.236,65	2.348,63	2.348,63	
2.1	Vốn tinh phân cấp huyện quản lý	900,00	17,77	882,24	882,24	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	300,00	17,77	282,24	282,24	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600,00	-	600,00	600,00	
2.2	Ngân sách cấp huyện	12.685,28	11.218,88	1.466,40	1.466,40	
3	Huyện Yên Sơn	9.484,02	7.189,05	2.294,96	2.294,96	
3.1	Vốn tinh phân cấp huyện quản lý	200,00	172,19	27,81	27,81	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200,00	172,19	27,81	27,81	
3.2	Ngân sách cấp huyện	9.284,02	7.016,87	2.267,15	2.267,15	
4	Huyện Na Hang	11.100,00	591,65	10.508,35	10.508,35	
	Ngân sách cấp huyện	11.100,00	591,65	10.508,35	10.508,35	
5	Huyện Chiêm Hóa	36.066,88	25.083,19	10.983,69	10.983,69	
5.1	Vốn tinh phân cấp huyện quản lý	5.587,91	5.025,82	562,08	562,08	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.330,50	1.196,15	134,34	134,34	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.257,41	3.829,67	427,74	427,74	
5.2	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025	2.315,00	1.099,18	1.215,82	1.215,82	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2022	Giải ngân vốn NSDP năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Số vốn kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
5.3	Ngân sách cấp huyện	28.163,97	18.958,19	9.205,78	9.205,78	
6	Huyện Sơn Dương	20.238,40	18.582,03	1.656,37	1.656,37	
6.1	Vốn tinh phân cấp huyện quản lý	12.458,40	11.976,03	482,37	482,37	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	646,58	588,00	58,58	58,58	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11.811,82	11.388,03	423,79	423,79	
6.2	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025	7.780,00	6.606,00	1.174,00	1.174,00	
7	Thành phố Tuyên Quang	34.556,23	23.746,09	10.810,14	10.810,14	
7.1	Vốn tinh phân cấp huyện quản lý	21.603,04	16.096,29	5.506,75	5.506,75	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.700,00	1.978,00	1.722,00	1.722,00	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.903,04	14.118,29	3.784,75	3.784,75	
7.2	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025	184,00	150,97	33,03	33,03	
7.3	Ngân sách thành phố Tuyên Quang	12.769,19	7.498,83	5.270,36	5.270,36	

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 SANG NĂM 2023, TỈNH TUYÊN QUANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2022 ĐẾN NGÀY 31/01/2023						SỐ VỐN ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023						GHI CHÚ
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi TX chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22
	TỔNG SỐ	314.544,99	79.270,79	2.000,00	20.000,00	20.679,20	192.595,00	200.873,82	63.691,43	1.498,00	15.622,50	12.131,42	107.930,47	113.671,17	15.579,37	502,00	4.377,50	8.547,78	84.664,53	
(1)	UBND HUYỆN HÀM YÊN	31.100,00	9.100,00	2.000,00	20.000,00			23.321,26	6.200,76	1.498,00	15.622,50			7.778,75	2.899,24	502,00	4.377,50			
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	28.000,00	6.000,00	2.000,00	20.000,00			21.271,44	4.150,94	1.498,00	15.622,50			6.728,56	1.849,06	502,00	4.377,50			
1.1	Sửa chữa Nhà lớp học, nhà công vụ, bếp ăn, nước sạch, công trình vệ sinh xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	3.000,00	3.000,00					2.446,68	2.446,68					553,32	553,32					
1.2	Sửa chữa Nhà lớp học, nhà công vụ, bếp ăn, nước sạch, công trình vệ sinh xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	3.000,00	3.000,00					1.704,26	1.704,26					1.295,74	1.295,74					
1.3	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.04 Bình Xa - Minh Hương (đoạn Km 14+500 đến Km 16+00)	3.300,00			3.300,00			2.171,04			2.171,04			1.128,96			1.128,96			
1.4	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.33 từ Km 188+500 QL.2 - thôn 3 Yên Lập, xã Yên Phú	4.900,00			4.900,00			3.233,95			3.233,95			1.666,05			1.666,05			
1.5	Bê tông hóa đường giao thông trục xã Thành Long	1.800,00			1.800,00			1.148,00			1.148,00			652,00			652,00			
1.6	Bê tông hóa đường giao thông trục xã Yên Phú	1.600,00			1.600,00			1.550,00			1.550,00			50,00			50,00			
1.7	Bê tông hóa đường giao thông trục xã Yên Lâm	6.100,00			6.100,00			5.219,51			5.219,51			880,49			880,49			
1.8	Xây dựng trạm y tế xã Yên Phú	4.300,00		2.000,00	2.300,00			3.798,00		1.498,00	2.300,00			502,00		502,00				
2	Đường Yên Phú đi Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	3.100,00	3.100,00					2.049,82	2.049,82					1.050,18	1.050,18					
(3)	UBND HUYỆN YÊN SƠN	6.820,79	6.820,79					6.585,48	6.585,48					235,32	235,32					
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn <i>(nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang); Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư</i>	6.820,794	6.820,794					6.585,48	6.585,48					235,32	235,32					
(4)	UBND THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG	17.286,70	3.000,00					11.490,35	1.320,20			10.170,15		5.796,35	1.679,80			4.116,55		
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang	17.286,70	3.000,00					11.490,35	1.320,20			10.170,15		5.796,35	1.679,80			4.116,55		
(5)	SỐ GIAO THÔNG VẬN TẢI	61.000,00	20.000,00				41.000,00	42.893,00	20.000,00				22.893,00	18.107,00					18.107,00	
1	Cầu trên đường GTNT	61.000,00	20.000,00				41.000,00	42.893,00	20.000,00				22.893,00	18.107,00					18.107,00	
(6)	SỐ XÂY DỰNG	18.700,00	9.700,00				9.000,00	9.146,78	6.438,78				2.708,00	9.553,22	3.261,22				6.292,00	
1	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	1.000,00	1.000,00					634,91	634,91					365,09	365,09					
2	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	1.000,00	1.000,00					608,77	608,77					391,23	391,23					

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2022 ĐẾN NGÀY 31/01/2023						SỐ VỐN ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023						GHI CHÚ
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi TX chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22
3	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	1.000,00	1.000,00					711,23	711,23					288,77	288,77					
4	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Đà Vĩ, huyện Na Hang	1.000,00	1.000,00					715,43	715,43					284,57	284,57					
5	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	1.000,00	1.000,00					714,53	714,53					285,47	285,47					
6	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	1.000,00	1.000,00					715,43	715,43					284,57	284,57					
7	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	1.000,00	1.000,00					714,23	714,23					285,77	285,77					
8	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	1.000,00	1.000,00					711,23	711,23					288,77	288,77					
9	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (năm 2022, dự kiến thực hiện 19 dự án quy hoạch)	10.000,00	1.000,00				9.000,00	3.621,00	913,00				2.708,00	6.379,00	87,00				6.292,00	
10	Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2)	700,00	700,00											700,00	700,00					
(7)	SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	2.550,00	2.550,00					729,12	729,12					1.820,88	1.820,88					
1	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2020 tầm nhìn đến năm 2050	2.050,00	2.050,00					729,12	729,12					1.320,88	1.320,88					
2	Dự án Hệ thống phân mảnh: quản lý kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hộ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	500,00	500,00											500,00	500,00					
(8)	SỐ TÀI CHÍNH	70.595,00					70.595,00	50.054,39					50.054,39	20.540,62					20.540,62	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khán, xã Kiên Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	11.000,00					11.000,00	4.715,08					4.715,08	6.284,92					6.284,92	
2	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sớ Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	7.200,00					7.200,00	3.308,43					3.308,43	3.891,57					3.891,57	
3	Cầu Chình, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sớ Đức Tiên Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	4.715,00					4.715,00	2.974,33					2.974,33	1.740,67					1.740,67	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	44.680,00					44.680,00	37.002,99					37.002,99	7.677,01					7.677,01	
5	Gia cố chống sạt lở bờ sông Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	3.000,00					3.000,00	2.053,55					2.053,55	946,45					946,45	
(9)	SỐ VĂN HÓA, TT&DL	11.200,00	11.100,00				100,00	7.227,53	7.227,53					3.972,47	3.872,47				100,00	
1	Xây dựng biển giáp ranh các tỉnh Vinh Phúc và Hà Giang	100,00					100,00							100,00					100,00	
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.	1.000,00	1.000,00					805,00	805,00					195,00	195,00					

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH 2022 (THEO NGUỒN VỐN)						GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH NĂM 2022 ĐẾN NGÀY 31/01/2023						SỐ VỐN ĐƯỢC KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023						GHI CHÚ
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi TX chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Bội chi NSDP	Nguồn tăng thu ngân sách, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22
3	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	10.000,00	10.000,00					6.422,53	6.422,53					3.577,47	3.577,47					
4	Công trình phát huy giá trị di tích tại khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương (năm 2020 Xây dựng khu đón tiếp khách)																			
5	Cải tạo, nâng cấp Quảng trường Tân Trào																			
6	Khu tưởng niệm các vị tiền bối cách mạng																			
7	Xây dựng Bảo tàng Tân Trào và Phòng chiếu phim																			
4	Trung bày Bảo tàng Tân Trào thuộc Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	100,00	100,00											100,00	100,00					
(10)	SỞ Y TẾ	4.400,00					4.400,00	3.741,06					3.741,06	658,94					658,94	
1	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Y tế	4.400,00					4.400,00	3.741,06					3.741,06	658,94					658,94	
(11)	BAN QLDA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	50.000,00					50.000,00	25.958,52					25.958,52	24.041,48					24.041,48	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	50.000,00					50.000,00	25.958,52					25.958,52	24.041,48					24.041,48	
(12)	BAN QLDA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH DD&CN	3.500,00					3.500,00							3.500,00					3.500,00	
1	Sửa chữa, cải tạo Nhà điều trị 3 tầng; Nhà khám chữa bệnh 3 tầng thuộc Trung tâm Y tế huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	3.500,00					3.500,00							3.500,00					3.500,00	
(13)	VĂN PHÒNG TỈNH ỦY	24.000,00	14.000,00				10.000,00	13.527,95	13.527,95					10.472,05	472,05				10.000,00	
1	Cải tạo nâng cấp Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy	10.000,00					10.000,00							10.000,00					10.000,00	
2	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kê bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	14.000,00	14.000,00					13.527,95	13.527,95					472,05	472,05					
(14)	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	3.500,00					3.500,00	2.138,75					2.138,75	1.361,25					1.361,25	
1	Cải tạo, mở rộng phòng Lễ tân tầng 1, Trung tâm hội nghị tỉnh TQ	3.500,00					3.500,00	2.138,75					2.138,75	1.361,25					1.361,25	
(16)	BCH ĐOÀN TỈNH TUYÊN QUANG	500,00					500,00	436,76					436,76	63,24					63,24	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh, thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang.	500,00					500,00	436,76					436,76	63,24					63,24	
(17)	TRUNG TÂM NS&VSMNT	9.392,500	3.000,000				6.392,500	3.622,880	1.661,610				1.961,270	5.769,620	1.338,390				4.431,230	
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	9.392,50	3.000,00				6.392,50	3.622,88	1.661,61				1.961,27	5.769,62	1.338,39				4.431,23	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022 SANG NĂM 2023, TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: nguồn vốn tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI)		196.827,28	-	127.130,81	86.548,67	40.582,14	40.582,14	
I	HUYỆN HÀM YÊN		18.050,00	-	2.100,00	120,00	1.980,00	1.980,00	
1	Xây dựng trường tiểu học Bạch Xa đạt chuẩn nông thôn mới, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Quyết định số 1025/QĐ-UBND, ngày 08/4/2022	4.602,00		700,00		700,00	700,00	
2	Xây dựng trường tiểu học Minh Khương đạt chuẩn nông thôn mới, xã Minh Khương, huyện Hàm Yên	Quyết định số 5515/QĐ-UBND, ngày 03/11/2022	6.508,00		700,00		700,00	700,00	
3	Xây dựng trường mầm non Yên Phú đạt chuẩn quốc gia, xã Yên Phú	Quyết định số 6902/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	6.940,00		700,00	120,00	580,00	580,00	
II	HUYỆN LÂM BÌNH		22.720,97	-	13.585,28	11.236,65	2.348,63	2.348,63	
(1)	Vốn phân cấp cho huyện				900,00	17,77	882,24	882,24	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				300,00	17,77	282,24	282,24	
1	Tôn tạo di tích Đền Nà Thém, thôn Ka Nò, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình				300,00	17,77	282,24	282,24	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				600,00	-	600,00	600,00	
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thông Noong Phường, xã Minh Quang, huyện Lâm Bình				300,00		300,00	300,00	
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Bó Ngoạng, xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình				300,00		300,00	300,00	
(2)	Ngân sách cấp huyện				12.685,28	11.218,88	1.466,40	1.466,40	
1	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Thượng Lâm	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/3/2020	4.145,35		552,80		552,80	552,80	
2	Xây dựng công trình phục vụ diễn tập phòng thủ huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang năm 2022	Quyết định số 1085a/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	4.000,66		4.000,00	3.361,76	638,24	638,24	
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng kinh doanh xăng dầu xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 24/5/2022	260,00		100,00		100,00	100,00	
4	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn 1)		1.564,96		782,48	725,24	57,24	57,24	
5	Cải tạo sửa chữa Phòng khám đa khoa khu vực Minh Đức, xã Minh quang huyện Lâm Bình	Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	1.000,00		950,00	933,86	16,14	16,14	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình phòng chống ngập cho trường THPT Lâm Bình	Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	11.000,00		6.000,00	5.928,02	71,98	71,98	
7	Trồng cây xanh cảnh quan tại khuôn viên nhà công vụ và di chuyển cây xanh ra khỏi một số vị trí trung tâm huyện Lâm Bình	Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	750,00		300,00	270,00	30,00	30,00	
III	HUYỆN YÊN SƠN		26.057,70	-	9.484,02	7.189,05	2.294,96	2.294,96	
(1)	Vốn phân cấp cho huyện				200,00	172,19	27,81	27,81	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				200,00	172,19	27,81	27,81	
1	Xây dựng nghĩa trang xã Kim Quan, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang				200,00	172,19	27,81	27,81	
(2)	Ngân sách cấp huyện		26.057,70	-	9.284,02	7.016,87	2.267,15	2.267,15	
1	Xây dựng 04 phòng học, phòng chức năng tầng 2 Trường Tiểu học và THCS trung tâm xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn		2.358,39		500,00	500,00	500,00	500,00	
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân và Khu tái định cư thôn Đô Thượng 4, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	368,00		300,00	284,00	16,00	16,00	
3	Xây dựng nghĩa trang cát táng tại xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	9.950,98		5.984,02	4.597,68	1.386,34	1.386,34	
4	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng học chức năng và công trình phụ trợ Trường THCS Tiến Bộ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	Quyết định số 8115/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	11.059,06		1.000,00	953,00	47,00	47,00	
5	Xây dựng phòng học, bếp ăn và các công trình phụ trợ điểm trường Cầu Trôi, Trường mầm non Thăng Quân, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Quyết định số 5240/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	2.321,28		1.300,00	1.010,00	290,00	290,00	
6	Xây dựng nghĩa trang xã Kim Quan, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang				200,00	172,19	27,81	27,81	
IV	HUYỆN NA HANG		43.311,85	-	11.100,00	591,65	10.508,35	10.508,35	
	Ngân sách cấp huyện		43.311,85	-	11.100,00	591,651	10.508,349	10.508,349	
1	Đường Hang Khào đi qua Lũng Trúc đến thôn Lũng Giang, xã Năng Khả, huyện Na Hang	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	43.311,85		11.100,00	591,65	10.508,35	10.508,35	
V	HUYỆN CHIÊM HÓA		-	-	36.066,88	25.083,19	10.983,69	10.983,69	
(1)	Vốn phân cấp cho huyện				5.587,91	5.025,82	562,08	562,08	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				1.330,50	1.196,15	134,34	134,34	
1	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2022, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang				771,34	694,04	77,30	77,30	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023)	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
2	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2022, xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang				180,66	161,41	19,25	19,25	
3	Dự toán Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2022, xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang				378,49	340,70	37,79	37,79	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				4.257,41	3.829,67	427,74	427,74	
1	Xây dựng phòng học và nhà chức năng trường THPT Chiêm Hóa				1.595,51	1.544,69	50,82	50,82	
2	Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân COVID-19 tại xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang				2.087,89	1.777,92	309,97	309,97	
3	Điểm dân cư thôn Nà lừa xã Trung Hà, huyện Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang				574,01	507,06	66,95	66,95	
(2)	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025				2.315,00	1.099,18	1.215,82	1.215,82	
-	Đường thôn và đường nội đồng				2.315,00	1.099,18	1.215,82	1.215,82	
(3)	Ngân sách cấp huyện				28.163,97	18.958,19	9.205,78	9.205,78	
1	Xây dựng khu B chợ trung tâm huyện Chiêm Hoá	Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	11.770,00		3.000,00		3.000,00	3.000,00	
2	Bê tông hóa đường giao thông cầu nhỏ trên địa bàn huyện	Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	805,00		672,00		672,00	672,00	
3	Nhà lớp học trường MN Trung Hòa	Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	5.599,61		330,00	311,50	18,50	18,50	
4	Cải tạo sân vận động trung tâm (giai đoạn II), huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 5576/QĐ-UBND ngày 26/11/2016	14.643,37		2.366,77	2.309,95	56,82	56,82	
5	Xây dựng đường liên xã đoạn từ thôn An Khang đi thôn Tân Hòa	Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	10.995,80		6.750,00	3.426,51	3.323,50	3.323,50	
6	Cải tạo, nâng cấp đường từ giáp Quốc lộ 3B đi thôn Phúc An xã Tân Thịnh	Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	13.500,00		4.300,00	4.097,57	202,44	202,44	
7	Bê tông hóa giao thông ngõ xóm năm 2022 xã Hùng Mỹ	Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	912,99		305,81		305,81	305,81	
8	Bê tông hóa đường giao thông ngõ xóm năm 2022 xã Yên Nguyên	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	73,50		10,75		10,75	10,75	
9	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường THCS Vĩnh Lộc	Quyết định số 6731/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	4.981,16		4.981,16	4.932,41	48,75	48,75	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
10	Dự toán bổ sung bê tông hóa đường giao thông năm 2022 xã Hùng Mỹ	Quyết định số 6637/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	1.757,56		666,21	235,99	430,22	430,22	
11	Tuyến đường mẫu trung tâm xã Kiên Đài	Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	7.000,00		4.500,00	3.377,60	1.122,40	1.122,40	
12	Nhà văn hóa TT xã Tân An	Quyết định số 7055/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	3.453,41		281,27	266,67	14,60	14,60	
VI	HUYỆN SON DƯƠNG				20.238,40	18.582,03	1.656,37	1.656,37	
(1)	Vốn phân cấp cho huyện				12.458,40	11.976,03	482,37	482,37	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				646,58	588,00	58,58	58,58	
1	Đường giao thông nông thôn xã Phú Lương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				646,58	588,00	58,58	58,58	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				11.811,82	11.388,03	423,79	423,79	
1	HTKT khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				1.500,00	1.216,63	283,37	283,37	
2	Sửa chữa cầu treo Đồng Cháy, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				323,03	293,40	29,63	29,63	
3	Sửa chữa cầu treo Bình Yên, xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				88,79	57,43	31,36	31,36	
4	HTKT khu đô thị mới TDP Cơ Quan, Tân Bắc, TT SD, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (GĐ 2)				9.500,00	9.465,37	34,63	34,63	
5	Xây dựng công chào Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				400,00	355,20	44,80	44,80	
(2)	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025				7.780,00	6.606,00	1.174,00	1.174,00	
-	Đường thôn và đường nội đồng				7.780,00	6.606,00	1.174,00	1.174,00	
VII	THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG		86.686,76	-	34.556,23	23.746,09	10.810,14	10.810,14	
(1)	Vốn phân cấp cho thành phố Tuyên Quang				21.603,04	16.096,29	5.506,75	5.506,75	
-	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				3.700,00	1.978,00	1.722,00	1.722,00	
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi QL37 xã Kim Phú thành phố Tuyên Quang				3.700,00	1.978,00	1.722,00	1.722,00	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				17.903,04	14.118,29	3.784,75	3.784,75	
1	Nhà lớp học Trường tiểu học Kim Phú, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang				2.560,00	2.202,70	357,30	357,30	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
2	Quy hoạch xây dựng nghĩa trang xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang				3.999,04	3.958,17	40,87	40,87	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Bình Ca, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang				3.020,00	2.999,52	20,48	20,48	
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi QL37 xã Kim Phú thành phố Tuyên Quang				1.240,00	18,90	1.221,10	1.221,10	
5	Quy hoạch xây dựng khu dân cư Tân Phát, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang năm 2021				4.384,00	4.184,00	200,00	200,00	
6	Quy hoạch xây dựng khu dân cư thôn 4, 5, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang				700,00	305,00	395,00	395,00	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND, UBND thành phố Tuyên Quang				2.000,00	450,00	1.550,00	1.550,00	
(2)	Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường GTNT giai đoạn 2021-2025				184,00	150,97	33,03	33,03	
-	Đường thôn và đường nội đồng				184,00	150,97	33,03	33,03	
(3)	Ngân sách thành phố				12.769,19	7.498,83	5.270,36	5.270,36	
1	Xây dựng khu tập thể đội 4, tổ 11, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	21.279,54		3.369,19	3.189,16	180,04	180,04	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thuộc khu dân cư Phan Thiết 2, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	6.231,98		4.400,00	1.762,26	2.637,74	2.637,74	
3	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Hồng Thái, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	5.544,33		2.000,00	1.664,47	335,53	335,53	
4	Quy hoạch chi tiết chợ Tân Bình, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	326,33		250,00	-	250,00	250,00	
5	Quy hoạch trung tâm nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe quốc tế QĐ	Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	1.679,87		1.700,00	332,95	1.367,05	1.367,05	
6	Quy hoạch chi tiết cửa hàng kinh doanh xăng dầu xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	73,95		50,00	-	50,00	50,00	
7	Quy hoạch khu dân cư tổ 8, phường Nông Tiến thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	705,71		50,00	-	50,00	50,00	
8	Quy hoạch khu dân cư tổ 5, phường Nông Tiến thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	467,33		50,00	-	50,00	50,00	
9	Quy hoạch khu dân cư thôn 8, xã Kim Phú thành phố Tuyên Quang				50,00	-	50,00	50,00	
10	Quy hoạch, xây dựng khu dịch vụ thương mại và chỉnh trang tuyến đường quanh hồ Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	48.082,30		50,00	-	50,00	50,00	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 được giao	Giải ngân kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023)	Số vốn kế hoạch năm 2022 đến ngày 31/01/2023 chưa giải ngân	Số vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: nguồn vốn tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
11	Khu tái định cư Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi Trung tâm huyện Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang	Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	2.295,42		600,00	550,00	50,00	50,00	
12	Quy hoạch khu nhà ở tại tổ 02, phường Tân Hà thành phố Tuyên Quang				50,00	-	50,00	50,00	
13	Quy hoạch khu dân cư và dịch vụ (chợ) thôn Bình Ca, xã An Khang, thành phố Tuyên Quang				50,00	-	50,00	50,00	
14	Quy hoạch khu đô thị tại tổ 1, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang				50,00	-	50,00	50,00	
15	Quy hoạch khu phát triển nhà ở đô thị tại tổ 5,6,7,11 phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang				50,00	-	50,00	50,00	